

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39/2025/ HNGĐ - ST**
Ngày 12 tháng 5 năm 2025
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chính

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
2. Bà Nguyễn Thị Nhung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa
án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên
tòa:*** Bà Thái Thị Hải Yến - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái
Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý
số 792/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
34/2025/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1982 (*Có mặt*).

Địa chỉ : Tổ D, phường T, thành phố T.

Bị đơn: Anh Ma Đình H, sinh năm 1971 (*Vắng mặt lần 2 không có lý do*).

Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T.

Tạm trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị
D trình bày:* Tôi và anh Ma Đình H được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn
vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T. Thời gian đầu sau khi
kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống đến
khoảng năm 2017 chúng tôi bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống
trong cách nuôi dạy con chung và không có tiếng nói chung, anh H không đi làm,
suốt ngày chửi bới tôi và con cái, thường xuyên uống rượu chè, quán xá và chơi lô
đề. Tôi đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng không tôi

đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 cho đến nay. Nay xác tôi định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được, nên tôi làm đơn này đề nghị giải quyết ly hôn giữa tôi và anh H để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ma Hương G, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Ma Văn K, sinh ngày 19/11/2019. Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung vì anh H không có việc làm và khả năng nuôi con, thực tế 02 con hiện đang ở cùng tôi, anh H lại đang điều trị bệnh. Hiện tại tôi đang làm nghề Điều dưỡng viên tại bệnh viện G1 thu nhập khoảng 10 đến 15 triệu đồng/tháng, tôi đảm bảo việc nuôi 02 con theo quy định.

Trong trường hợp nuôi 02 con thì tôi không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi xin tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Ma Đình H: Tôi và chị Trương Thị D kết hôn năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu rồi, lý do là bất đồng quan điểm sống, tôi cứ nói câu nào là chị D là chị D đều cãi lại tôi. Vợ chồng tôi đã ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Hiện tại tôi đang đi thuê nhà ở ngoài và đã ra ở riêng. Tôi xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng là nhỏ. Do đó tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ma Hương G, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Ma Văn K, sinh ngày 19/11/2019. Trong trường hợp phải ly hôn thì mỗi người nuôi 01 con. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu K và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tôi không nhất trí ly hôn do đó tôi sẽ không đến Tòa để giải quyết.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H, tuy nhiên anh H đều vắng mặt tại phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét cho chị D được ly hôn anh H. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Ma Hương G, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Ma

Văn K, sinh ngày 19/11/2019 cho chị D nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con thì không đặt ra xem xét giải quyết vì các bên không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết vì không yêu cầu.

Về án phí chị D phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh H để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa chị D đề nghị xét xử vắng mặt anh H, đại diện VKS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh H theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Ma Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND phường T, thành phố T vào năm 2006 là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là do trong cuộc sống chung không hợp nhau và phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh H đã chuyển ra nơi khác sinh sống, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài và không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên xin được ly hôn, anh H xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân, chị D xin ly hôn anh không nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế là vợ chồng đã ly thân và không ai quan tâm đến ai, nếu tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ma Hương G, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Ma Văn K, sinh ngày 19/11/2019. Chị D có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và không đề nghị anh H cấp dưỡng. Anh H có nguyện vọng nuôi 01 con chung..Xét thấy 02 con chung hiện vẫn đang ở cùng với chị D, cháu G có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu K thì còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Anh H thì hiện tại đang đi thuê nhà để ở và hiện tại đang phải điều trị bệnh, công việc thu nhập không ổn định. Quá trình Tòa án giải quyết thì đều vắng mặt không có lý do.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung cũng như điều kiện sống, sinh hoạt học tập của trẻ em và tránh những sáo trộn tâm lý, điều kiện học tập sinh hoạt của trẻ em, cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu K và cháu G cho đến khi các con chung khôn lớn trưởng thành (*đủ 18 tuổi*) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H được quyền đi lại và thăm nom con chung theo quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu. Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị D.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trương Thị D được ly hôn anh Ma Đình H.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung là cháu Ma Hương G, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Ma Văn K, sinh ngày 19/11/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung khôn lớn trưởng thành (*đủ 18 tuổi*) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh H được quyền đi lại và thăm nom con chung và không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và các khoản nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị D phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000623 ngày 26/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Về quyền kháng cáo: Báo cho chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ DUY CHINH

